

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others

- | | | | |
|--------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| 1. A. <u>used</u> | B. <u>finished</u> | C. <u>pushed</u> | D. <u>rained</u> |
| 2. A. <u>allowed</u> | B. <u>dressed</u> | C. <u>flashed</u> | D. <u>mixed</u> |
| 3. A. <u>switched</u> | B. <u>stayed</u> | C. <u>believed</u> | D. <u>cleared</u> |
| 4. A. <u>recommended</u> | B. <u>waited</u> | C. <u>handed</u> | D. <u>designed</u> |
| 5. A. <u>annoyed</u> | B. <u>phoned</u> | C. <u>watched</u> | D. <u>remembered</u> |

II. Write these words and phrases in English.

Công viên	Nơi/ Địa điểm
Cầu	Chùa
Chợ	Đền
Vịnh	Đảo
Bảo tàng lịch sử	Nhà hát thành phố
Mong chờ	Hấp dẫn
Thú vị	Đẹp
Hứng thú/ náo động	

III. Translate into English.

- Bạn muốn đến thăm nơi nào, Chùa Bái Đính hay Đền Hoa Lư?
.....
- Tôi muốn đến thăm Chùa Bái Đính.
.....
- Bạn muốn đến thăm nơi nào, Bảo tàng lịch sử hay Nhà hát thành phố?
.....
- Tôi muốn đến thăm Chùa Thiên Mụ.
.....
- Bạn nghĩ gì về công viên Đầm Sen?
.....
- Nó náo động hơn tôi mong đợi.
.....

7. Bạn đã đi đâu? – Tôi đã tới vịnh Hạ Long.

.....

8. Bạn nghĩ gì về vịnh Hạ Long?

.....

9. Nó hấp dẫn hơn tôi mong đợi.

.....

III. Put the correct form of the verb in brackets.

1. Every morning, Linda (get).....up at 6. She (have) breakfast at 6:10. After breakfast, she (brush)her teeth. She (go)to school at 6:30. She (have)lunch at 11:30 at school.

2. He isn't in the room. He (play)in the garden.

3. I (do)my homework every afternoon.

4. Mai and Lan (play)games after school.

5. Vy (listen)to music every night.

6. Where (be)your father now?

- He (read)a newspaper.

7. Whatyou (do)? I (be)a student.

8. Whereyou (go)now?

- I (go)to the market.

9. She is cooking and we (do)the housework.

V. Reorder the words to make correct sentences.

1. in/ Spring/ What/ like/ is/ the/ weather/?

.....

2. isn't/ going to/ Hoi An/ Minh/ next week.

.....

3. is/ it/ here/ your/ How far/ from/ to/ house/?

.....

4. straight/ Go/ turn/ and/ ahead/ right./

.....

5. the/ swimming pool/ is/ Where/?

.....

6. was/ in/ Nam/ Hanoi/ last month/.

.....

7. weather/ in/ What's/ the/ autumn/ like/?

.....

8. National park/ They/ going/ the/ to/ are/ tomorrow/.

.....

9. Friends/ chatted/ with/ I/ yesterday/.

.....

10. You/ play/ Did/ last/ hide and seek/ Sunday/?

.....